

TP.HCM, ngày 11 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2019 & KẾ HOẠCH SXKD 2020
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

I/. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019:

1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu:

1.1 Các chỉ tiêu chung:

- Doanh thu 198,02 tỷ (trong đó doanh thu SXKD ngoài công ích đạt 103,06 tỷ) tăng 39,48% so với năm 2018 (141,79 tỷ), tăng 19% so với kế hoạch (166,23 tỷ).
- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 52,22% (tăng 19,56% so với năm 2018).
- Lợi nhuận trước thuế 9,49 tỷ, tăng 32,5% so với năm 2018 (7,16 tỷ), tăng 1% so với kế hoạch.
- Thu nhập bình quân: 12,5 triệu đồng/người/tháng. Tăng 8,6% so với năm 2018 (11,5 triệu đồng/người/tháng).
- Cổ tức: dự kiến trả tỷ lệ cổ tức/cổ phần 15,9%, tăng 38,2% so với năm 2018 (11,5%).

1.2 Kế hoạch SCTX, định kỳ:

a) **Khối lượng:** Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt. Tổng khối lượng sản phẩm thực hiện (chi tiết xem Khoản I mục 1 Phụ lục).

b) Doanh thu:

- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch : 100%
- SCTX : 94,49 tỷ đồng
- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch : 100%
- Tỷ lệ thực hiện so với năm 2018 : tăng 8%
- Thực hiện các yếu tố chi (chi tiết xem Khoản I mục 2 Phụ lục)

b) **Kiến trúc (SCTSCĐ nhóm II):** Thực hiện và hoàn thành các công trình: Sửa chữa cải tạo nhà làm việc Cơ Quan Công ty, nhà thiết bị Xí nghiệp Sài Gòn, Thuận Hải, Phú Khánh với tổng kinh phí: 814,757 triệu đồng.

c) **Đầu tư tài sản:** Thực hiện đầu tư tài sản nhóm 2 (02 ô tô tải) từ nguồn vốn khấu hao và Đầu tư phát triển.

1.3 Công trình kinh doanh, dịch vụ:

Doanh thu 103,06 tỷ bằng 137,41% kế hoạch và tăng 92% so cùng kỳ.

a) **Công trình:** Thực hiện 28 công trình và hạng mục với doanh thu: 97,23 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản I mục 3.1 Phụ lục).

b) **Dịch vụ:** doanh thu 5,83 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản I mục 3.2 Phụ lục).

2. Công tác kỹ thuật – an toàn:

2.1 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:

- Chất lượng duy tu thiết bị đạt: 99,50%, tăng 0,06% so với năm 2018 (chỉ tiêu $\geq 98,5\%$).

- Hiệu suất thiết bị thông tin tín hiệu đạt: 99,45%, giảm 0,06% so với năm 2018 (chỉ tiêu $\geq 99\%$), trong đó: HSKT^{TT} đạt: 99,66%, giảm 0,07% so với năm 2018 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); HSKTTH đạt: 99,70%, tăng 0,04% so với năm 2018 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); hiệu suất quản lý đạt: 99,22% giảm 0,12% so với năm 2018. Cụ thể:

Trong năm 2019, toàn Công ty:

- Đường dây và thiết bị thông tin:

+ Gián đoạn thông tin : 0 vụ (bằng so với năm 2018;

+ Hư hỏng thiết bị: 50 vụ (tăng 05 so với năm 2018).

- Thiết bị tín hiệu:

+ Chậm tàu: 0 vụ 0 phút, giảm 02 vụ và giảm 74 phút so với năm 2018 (chỉ tiêu ≤ 3 vụ, < 90 phút);

+ Phiếu đường: 17 phiếu, tăng 14 phiếu so với năm 2018;

+Độ ổn định ĐN CBTD: 100%, bằng so với năm 2018 (chỉ tiêu $> 99,95\%$).

+Hư hỏng thiết bị, phụ kiện TTTH: 92 vụ (tăng 38 vụ so với năm 2018) (Chi tiết xem Khoản I mục 4 Phụ lục).

2.2 Thực hiện các chủ trương kỹ thuật:

- Thực hiện 03 chương trình kỹ thuật trọng tâm:

+ Quản lý và hoạt động tốt thiết bị TTTH đường ngang.

+ Đảm bảo chất lượng hoạt động các hệ thống nguồn điện, hệ thống chống sét, hệ thống phòng máy thiết bị TTTH

+ Ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ và công nghệ thông tin trong quản lý kết cấu hạ tầng TTTH và sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, phối hợp thực hiện Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Quy chế phối hợp giữa Bộ GTVT và UBND các tỉnh, thành phố, xử lý đảm bảo tầm nhìn các hệ tín hiệu và hành lang an toàn thiết bị TTTH; điều tra lập hồ sơ quản lý và kế hoạch đảm bảo hành lang an toàn giao thông đường sắt.

- Phối hợp xử lý các vụ việc tai nạn chạy tàu đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo trì đảm bảo chất lượng, nâng cao công tác quản lý thiết bị thông tin tín hiệu ga, đường ngang có gác và đường ngang CBTD. Đặc biệt là thiết bị ghi động cơ điện và ĐN CBTD.

- Tổ chức Hội nghị an toàn chạy tàu và giảm sự cố, trở ngại thiết bị TTTH năm 2019.

- Tổ chức tốt hoạt động của Tổ quản trị, giám sát tập trung thiết bị TTTH nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng camera giám sát hình ảnh tập trung, phần mềm giám sát từ xa ĐNCBTD; giám sát mạng truyền dẫn SDH, trao đổi thông tin nội bộ hiệu quả để đảm bảo độ hoạt động ổn định ĐNCBTD, thiết bị TTTH.

- Thực hiện tốt phương án phòng chống lụt, bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2019 (theo Phương án số 777/PA-TTSG ngày 11/4/2019) trong mùa bão lũ; Tập trung chỉ đạo cứu chữa, khắc phục thiệt hại đường dây trần, cáp TTTH, cáp quang do bão số 5, 6 gây ra.

- Điều tra khối lượng thực tế để xây dựng khối lượng bảo dưỡng KCHTĐS năm 2020.

- Thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Tổng công ty; 02 đề tài KHCN cấp Công ty; xét duyệt 56 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, kinh phí 80,5 triệu đồng.

- Phối hợp điện lực địa phương (Đồng Nai, Bình Dương, Phú Yên) làm các thủ tục bàn giao trạm biến áp ga Long Khánh, Biên Hòa, Dĩ An, Chí Thạnh, Phú Hiệp, Đông Tác thuộc dự án HĐH TTTH đoạn Vinh - Sài Gòn tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn I.

- Thống nhất phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan với VTC, SCTV, Viettel, AVG, CMC...

II/. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020:

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh:

1.1 Chỉ tiêu chung năm 2020:

Doanh thu đạt 140,5 tỷ (71% so với năm 2019). Tỷ trọng doanh thu ngoài công tích so với tổng doanh thu > 30%.

- Lợi nhuận: + Trước thuế $\geq 7,5$ tỷ, bằng 79,17% so với năm 2019.
+ Sau thuế ≥ 6 tỷ.

- Cổ tức $\geq 12\%$, bằng 75,5% so với năm 2019

- Thu nhập 12,5 triệu đồng/người/ tháng (bằng năm 2019).

1.2. Kế hoạch QLBDTX KCHT đường sắt:

a) Khối lượng danh mục sản phẩm

- Hệ thống truyền tải : 1.135,929 Km/Tr
- Trạm tổng đài : 166,566 Trạm
- Tín hiệu ra vào ga : 1.564,223 Hệ
- Thiết bị khống chế : 382,220 Bộ
- Thiết bị điều khiển : 2.130,015 Đài
- Cáp tín hiệu : 1.213,000 Km/sợi
- Thiết bị nguồn điện : 50,422 Cung

b) Sản lượng quản lý bảo dưỡng thường xuyên: 102,56 tỷ đồng, doanh thu 93,23 tỷ đồng (tăng 2% so với kế hoạch năm 2019).

1.3. Kế hoạch công trình SXKD, dịch vụ (Doanh thu dự kiến: 47,3 tỷ):

a) Công trình SXKD:

Thực hiện 14 công trình và hạng mục với doanh thu dự kiến **41,24** tỷ đồng (Khoản II, mục 1 phụ lục)

b) Hoạt động kinh doanh, dịch vụ: doanh thu dự kiến **6,05** tỷ đồng (Khoản II mục 2 phụ lục).

- Đẩy mạnh rà soát, tiếp tục hợp tác các khu vực nhà đất, thiết bị của Công ty đạt hiệu quả.

- Khai thác hiệu quả mặt bằng nhà Cơ quan Công ty, các XN.

- Quan tâm dịch vụ phòng máy, vận hành tuyến cáp quang; cáp quang đường trục liên tỉnh của các đối tác hợp tác kinh doanh...

1.4. Công tác Kỹ thuật, an toàn:

a) Chỉ tiêu kỹ thuật chất lượng:

- Đảm bảo ATCT, ATLĐ, PCCN 100%

- Chất lượng duy tu thiết bị > 98,50%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2019 ($\geq 99,46\%$)

- Hiệu suất khai thác thiết bị > 99,00%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2019 ($\geq 99,68\%$)

- Độ ổn định ĐN CBTĐ > 99,95%, phần đầu bằng năm 2019 (100%).

- Sự cố gây chậm tàu: ≤ 3 vụ, thời gian < 90 phút (mỗi XN ≤ 1 vụ, thời gian < 30 phút), phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu, không liên quan tới các vụ tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra.

- Hư hỏng thiết bị: 55 vụ.

b) Các kế hoạch, nhiệm vụ kỹ thuật, an toàn:

- Tập trung duy trì tốt các nội dung về duy tu bảo dưỡng, thực chất công tác kiểm tra, giám sát thiết bị các cấp đảm bảo ATCT, hạn chế hư hỏng, trở ngại thiết bị, phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu; đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kỹ thuật năm 2020.

- Xây dựng và thực hiện 03 kế hoạch, chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2020 gồm:

+ Quan tâm đảm bảo hoạt động ổn định ĐN CBTĐ.

+ Ứng dụng KHCN quản lý thiết bị TTTH.

+ củng cố chất lượng cơ khí đường dây thông tin.

- Điều tra, khảo sát, thiết kế, lập phương án kỹ thuật giám sát các công trình trong và ngoài ngành đáp ứng yêu cầu.

- Điều tra, lập phương án kỹ thuật công trình cho thuê KCHTĐS năm 2020.

- Cập nhật, bổ sung khối lượng, hồ sơ quản lý kỹ thuật các thiết bị thay thế, sửa chữa, xây dựng mới năm 2019; Sử dụng hiệu quả phần mềm quản trị doanh nghiệp AMIS.VN.

- Kiểm tra, xử lý suy hao, củng cố đường cáp, móc cáp, bẻ cáp... đảm bảo chất lượng hiệu quả khai thác tuyến cáp quang đường sắt để đáp ứng yêu cầu SXKD và hợp tác với đối tác.

- Tiếp tục xử lý chất lượng cơ khí, điện khí đôi 2, 3 đường dây trần đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật sử dụng làm dự phòng đóng đường.

- Kiểm tra, đo đạc để xử lý, sửa chữa các tồn tại hệ thống tiếp đất, chống sét không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2020.

- Kiểm tra, phối hợp thực hiện Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Quy chế phối hợp giữa Bộ GTVT và UBND các tỉnh, thành phố, xử lý đảm bảo tầm nhìn các hệ tín hiệu và hành lang an toàn thiết bị TTTH; lập hồ sơ quản lý và kế hoạch đảm bảo hành lang an toàn giao thông đường sắt; Phối hợp với các đơn vị thi công các dự án trong phạm vi quản lý, đảm bảo an toàn thiết bị, an toàn chạy tàu.

- Thực hiện từ 1 đề tài KHCN cấp Tổng công ty ĐSVN, 1-2 đề tài cấp Công ty và sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.

- Tiếp tục duy trì, tổ chức tốt hoạt động của Tổ quản trị, giám sát tập trung thiết bị TTTH nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng camera giám sát hình ảnh tập trung, phần mềm giám sát từ xa ĐNCBTĐ; Nâng cấp đường truyền cáp quang cho các đường ngang CBTĐ đang sử dụng sóng 3G không ổn định bằng đường truyền FTTH.

- Tiếp tục liên hệ với điện lực địa phương để thực hiện hoàn thiện bàn giao trạm biến áp thuộc dự án HDH TTTH đoạn Vinh - Sài Gòn tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn I.

- Thống nhất phối hợp giải quyết tốt các vấn đề có liên quan VTC, SCTV, Viettel, HTC, AVG (FPT), CMC.

2. Kế hoạch đầu tư :

2.1. Theo các dự án của Bộ GTVT:

- Dự án nâng cấp các cầu yếu và gia cố trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh.

- Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang - Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh.

- Dự án Gia cố hầm yếu, kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh – Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh.

2.2. Theo các dự án của Tổng công ty ĐSVN:

Kế hoạch đầu tư trong năm 2020: chủ yếu tập trung thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng ĐS theo kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng Công ty ĐSVN:

2.3. Theo các nguồn vốn của Công ty (KHTS, ĐTPT):

TT	Nội dung	Đơn vị	Địa điểm	Kinh phí (tr/đồng)
01	Xây dựng xưởng TTTH Hiệp Bình Phước	Dự án	Quốc lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP. HCM.	3000
02	Mua phương tiện vận chuyển (ô tô 5 chỗ)	Xe	Cơ quan Công ty	980

3. Các giải pháp thực hiện:

Để phần đầu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020. Công ty xác định một số giải pháp trọng tâm:

- Xem xét, sắp xếp tổ chức sản xuất phù hợp; bổ sung, điều chỉnh cơ cấu lao động đảm bảo lao động đầy đủ, chất lượng; xây dựng các quy định, quy chế cần thiết để thúc đẩy SXKD.

- Chủ động xây dựng các kế hoạch BDTX, SXKD ngay từ đầu năm, trên cơ sở đó tổ chức điều hành kiên quyết và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ để việc thực hiện theo đúng quy định, quy chế.

- Bám sát các dự án cải tạo nâng cấp, các công trình thiết yếu đoạn NT – SG (trong dự án 7000 tỷ), dự án 994... và các định hướng phát triển của Tổng công ty ĐSVN, thiết bị TTTH đường ngang, hệ thống giám sát TTTH... để đề xuất, lập phương án, đảm nhận các nội dung phù hợp nhằm đáp ứng nhiệm vụ chính trị và tăng doanh thu.

- Rà soát các định mức chi phí trực tiếp trong thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình; nghiệm thu ngay và hoàn tất các thủ tục thanh toán, thu hồi vốn khi công trình xây dựng hoàn thành. Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi.

- Tiết kiệm trong tất cả các chi phí, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu ... góp phần giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường điều tra, tiếp thị, thực hiện chính sách hợp lý trong duy trì và phát triển khách hàng đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ ngoài công ích.

- Quan tâm cơ sở vật chất và đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại để tăng hiệu quả trong SXKD, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ để phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời và có hiệu quả.

- Phát huy tính thực chất của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 phần mềm quản trị toàn diện, làm cho hệ thống này là công cụ, phương tiện hoạt động, quản trị hỗ trợ mạnh mẽ SXKD và khẳng định thương hiệu Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhà, đất của Công ty và hợp tác, khai thác đúng quy định, hiệu quả.

- Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV; xây dựng thực hiện chính sách lương, thưởng và các chế độ đảm bảo đúng qui định, công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để người lao động phát huy sáng tạo trong công việc. Tổ chức các phong trào văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của người lao động trong Công ty, thực hiện đúng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Quan tâm nâng cao cơ sở vật chất của Công ty.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ ở tất cả các vị trí về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, kỹ năng làm việc, kiến thức pháp luật và ý thức trách nhiệm.

- Phát động các phong trào thi đua hiệu quả; có cơ chế khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích mang lại lợi ích cho Công ty cũng như xử lý thích đáng các vi phạm.

- Giữ vững đoàn kết, mối quan hệ, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả trong lãnh đạo chuyên môn; giữa các phòng, xí nghiệp; giữa chuyên môn và các đoàn thể dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy Công ty.

- Siết chặt kỷ cương, nề nếp. Thực hiện nghiêm mệnh lệnh sản xuất, hài hòa trong quan hệ công việc, sinh hoạt. Thực hiện phương châm “chuyên nghiệp, hiệu quả và phát triển bền vững”. Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng các chế độ quy định, quy chế.

- Quản lý tài chính chặt chẽ, hiệu quả, tích cực thu hồi công nợ và hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.

- Xây dựng mở rộng các mối quan hệ với địa phương, các đối tác và tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN và Bộ GTVT.

Nơi nhận:

- Cổ đông (Website);
 - Chủ tịch, các TV HĐQT;
 - Giám đốc, các Phó GD;
 - Trưởng Ban KS;
 - Các phòng, các XN;
 - Lưu KHVT, VT.
- { mạng }



Phạm Văn Dũng

PHỤ LỤC

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2019

1. Về khối lượng sản phẩm:

- Hệ thống truyền tải	: 1.135,929 Km/Tr,	đạt tỷ lệ 100%
- Trạm tổng đài	: 166,566 Trạm,	đạt tỷ lệ 100%
- Tín hiệu ra vào ga	: 1.564,223 Hệ,	đạt tỷ lệ 100%
- Thiết bị khống chế	: 382,220 Bộ,	đạt tỷ lệ 100%
- Thiết bị điều khiển	: 2.130,015 Đài,	đạt tỷ lệ 100%
- Cấp tín hiệu	: 1.213,000 Km/sợi,	đạt tỷ lệ 100%
- Thiết bị nguồn điện	: 50,422 Cung,	đạt tỷ lệ 100%

2. Về chi phí sản xuất:

- Lương, phụ cấp	: 42.316.322.444 đồng
- Vật liệu, nhiên liệu, điện lực, dịch vụ thuê ngoài	: 25.675.611.058 đồng
- Chi phí chung	: 21.158.161.222 đồng
- Thu nhập chịu thuế tính trước	: 5.349.005.683 đồng
- Thuế VAT	: 9.449.910.041 đồng

3. Các công trình SXKD, dịch vụ:

3.1 Các công trình kinh doanh:

STT	Công trình
1	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang biển báo thành ĐNCBTĐ có lắp đặt cản chắn tự động theo QĐ 994 Km1116+450, Km1126+520, Km1161+190, Km1190+500, Km1192+363
2	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang biển báo thành ĐNCBTĐ có lắp đặt cản chắn tự động theo QĐ 994 Km1205+100, Km1249+600, Km1264+470, Km1266+205, Km1293+770
3	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang biển báo thành ĐNCBTĐ có lắp đặt cản chắn tự động theo QĐ 994 Km1509+465, Km1556+790, Km1615+875, Km1652+173, Km1681+220
4	Gói cầu yếu 37: phần TTTH (07 cầu)
5	Gói số 06: Thi công lắp đặt hệ thống TTTH ĐS thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu ĐS Bình Lợi tới cảng Bến Súc
6	Dự án nhà máy điện mặt trời VSB Bình Thuận 2 – hạng mục: Lắp đặt thiết bị bảo vệ an toàn đường dây TTTH ĐS bị ảnh hưởng của đường dây điện 110kv tại Km1457+815, tuyến ĐS Hà Nội - TPHCM
7	Gói thầu 01XL: Di dời hệ thống TTTH ĐS- dự án: Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị mới nam thành phố Tuy Hòa đường Nguyễn Văn Linh
8	Lắp đặt thiết bị bảo vệ an toàn cho đường dây TTTH ĐS khi giao chéo với đường dây điện 110kv tại Km1448+243, tuyến ĐS Hà Nội – TPHCM. Dự án: Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2
9	Hạng mục: Phòng chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống TTTH ĐS – Dự án: Trạm biến áp 500kv Tân Uyên và đầu nối
10	Sửa chữa tín hiệu đèn màu vào ga, lắp đặt tín hiệu lặp lại tại phía bắc ga Đông Tác, phía nam ga Sông Dinh, phía nam ga Bảo Chánh
11	Thi công phần TTTH đường vành đai tại dự án nút giao Ngọc Hồi TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
12	Sửa chữa ĐS và hệ thống thoát nước XN Toa xe Sài Gòn – phần TTTH

13	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang chưa có cần chắn thành có lắp đặt lắp đặt cần chắn tự động – năm 2019 – phần XD
14	Công trình nâng cấp cải tạo 06 đường ngang Km1466+468, Km1468+424, Km1471+160, Km1472+535, Km1476+497, Km1479+150 (gói 31)
15	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1535+740, Km1536+543, Km1538+850, Km1541+050, Km1542+055 (gói 35)
16	Công trình nâng cấp cải tạo 06 đường ngang Km1189+880, Km1191+990, Km1195+000, Km1202+970, Km1208+000, Km1211+783 (gói 25)
17	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1232+860, Km1240+972, Km1242+316, Km1246+560, Km1248+520 (gói 26)
18	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1384+025, Km1395+020, Km1396+684, Km1399+603, Km1400+775 (gói 28)
19	Công trình nâng cấp cải tạo 04 đường ngang Km1634+250, Km1661+805, Km1666+955, Km1671+465 (gói 39)
20	Công trình nâng cấp cải tạo 06 đường ngang Km1328+680, Km1336+778, Km1339+618, Km1350+920, Km1355+420, Km1375+927 (gói 27)
21	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1451+404, Km1453+700, Km1458+206, Km1460+437, Km1462+346 (gói 30)
22	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1481+310, Km1483+389, Km1486+990, Km1488+990, Km1491+380 (gói 32)
23	Công trình nâng cấp cải tạo 06 đường ngang Km1494+986, Km1497+621, Km1499+742, Km1507+750, Km1512+618, Km1513+708 (gói 33)
24	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1515+100, Km1516+454, Km1520+995, Km1525+312, Km1529+835 (gói 34)
25	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1544+229, Km1545+503, Km1546+510, Km1548+174, Km1549+236 (gói 36)
26	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1554+619, Km1562+720, Km1577+790, Km1593+570, Km1597+750 (gói 37)
27	Công trình nâng cấp cải tạo 05 đường ngang Km1600+100, Km1604+000, Km1608+380, Km1611+975 (gói 38)
28	Gói thầu số 04XL: Thi công xây lắp toàn bộ đoạn Km2+800 – Km4+565,47 thuộc dự án: Tuyến nối QL1A (Đông Mỹ) đến khu công nghiệp Hòa Hiệp

3.2 Doanh thu Kinh doanh, Dịch vụ:

STT	Công trình
1	Dịch vụ phòng máy SCTV, HTC, VTC, CMC
2	Viễn thông Phú Yên - XD mạng phòng chống bão lũ
3	Dịch vụ cước phí điện thoại
4	Dịch vụ hợp tác kinh doanh mặt bằng
5	Dịch vụ điện nước dùng chung

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật

TT	Tên sản phẩm	Sài Gòn	Thuận Hải	Phú Khánh	Công ty
1	Chất lượng duy tu	99,40	99,74	99,36	99,50
1	Đường truyền tải	99,24	100,0	98,76	99,33
2	Trạm & Tổng đài	99,79	99,94	99,89	99,87

3	Tín hiệu ra, vào ga	99,84	99,93	99,62	99,80
4	Thiết bị khống chế	98,45	99,04	98,03	98,51
5	Thiết bị điều khiển	99,26	99,91	99,77	99,65
6	Cáp tín hiệu	99,48	99,60	99,80	99,63
7	Thiết bị nguồn điện	99,74	99,75	99,66	99,72
II	Hiệu suất TBTT	99,24	99,69	99,37	99,44
	Hiệu suất TBTH	99,17	99,67	99,54	99,46
1	Hiệu suất quản lý	98,80	99,65	99,20	99,22
2	Hiệu suất KTTT	99,68	99,73	99,55	99,66
3	Hiệu suất KTTH	99,53	99,69	99,88	99,70
III	Chất lượng thiết bị	99,29	99,71	99,43	99,47
1	Đường truyền tải	99,24	99,85	99,07	99,38
2	Trạm & Tổng đài	99,51	99,82	99,63	99,65
3	Tín hiệu ra, vào ga	99,50	99,80	99,58	99,63
4	Thiết bị khống chế	98,81	99,36	98,78	98,98
5	Thiết bị điều khiển	99,21	99,79	99,65	99,55
6	Cáp tín hiệu	99,32	99,64	99,67	99,54
7	Thiết bị nguồn điện	99,45	99,71	99,60	99,59

II. Doanh thu (dự kiến) các công trình SXKD, dịch vụ năm 2020:

1. Doanh thu (dự kiến) các công trình kinh doanh năm 2020:

TT	Tên công trình	Doanh thu dự kiến
1	Gói thầu số 04XL: Thi công xây lắp toàn bộ đoạn km2+800 - km km4+565,47; HM: TTTH đường ngang 1209+050	2.683.226.268
2	CT: di dời hệ thống thông tin tín hiệu Đường sắt tại chấn km 1686+090	232.727.273
3	Gói thầu xây lắp số 6: thi công ,lắp đặt hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt. dự án: cải tạo, nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi tới cảng bến Súc	928.181.818
4	Sửa chữa đồng bộ TTTH 4 ga Cà Ná, Sông Mao, Hồ Nai, Trắng Bom	5.854.777.977
5	Sửa chữa ga Ka Rôm	1.515.234.495
6	Sửa chữa đường ngang có gác Km 1419+419	1.625.604.920
7	Nâng cấp, cải tạo 5 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km 1183+650 Km 1328+680, Km 1340+702, tuyến ĐS HN - TP. HCM; Km 7+611, Km 8+980 tuyến ĐS Diêu Trì - Quy Nhơn .	7.395.344.727
8	Nâng cấp, cải tạo 3 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km 1397+763, Km 1435+980, Km 1436+533 tuyến ĐS HN - TP. HCM.	4.437.206.727
9	Nâng cấp, cải tạo 3 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km Km 1465+810, Km 1493+275, Km 1506+286 tuyến ĐS HN -	4.437.206.727

	TP. HCM.	
10	Nâng cấp, cải tạo 4 đường ngang, bao gồm: Đường ngang Km 1640+095, Km 1677+820 tuyến ĐS HN - TP. HCM; Km 2+605, Km 1+225 Nhánh ĐS toa xe Dĩ An.	5.916.276.000
11	Gói cầu yếu 39; phần TTTH (04 cầu trong phạm vi Công ty quản lý).	1.363.636.364
12	Gói thầu số 01XL: Di dời hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt, dự án: Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa - đường Nguyễn Văn Linh	1.183.768.404
13	Dự án: Nút giao thông Ngọc Hội – Đường 23/10, thành phố Nha Trang (Hạng mục: Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt đường dây thông tin tín hiệu đường sắt)	2.453.536.061
14	Tham gia các phần việc TTTH dự án: Tàu điện ngầm Bến Thành – Suối Tiên	1.280.332.677
Cộng		41.307.060.438

2. Doanh thu (dự kiến) hoạt động kinh doanh, dịch vụ năm 2020:

TT	Tên công trình	Doanh thu dự kiến
1	Dịch vụ phòng máy CMC	366.239.821
2	Bảo trì, xử lý sự cố của CMC	1.481.816.125
3	Dịch vụ phòng máy HTC	386.749.091
4	Dịch vụ phòng máy SCTV	259.200.000
5	Dịch vụ phòng máy VTC	72.000.000
6	Hợp tác XD mạng thoại dịch vụ và hỗ trợ PCBL khu vực Đại Lãnh - Tuy Hòa - Xuân Lãnh	41.018.182
7	Hợp đồng hợp tác khu đất Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	1.192.639.960
8	Hợp đồng hợp tác khu nhà, đất 23 Thái Nguyên, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa	1.101.818.182
9	Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH Mạnh Hùng tòa nhà 23 Trần Phú, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	207.272.727
10	Hợp đồng hợp tác với Công ty Imas tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh	316.800.000
11	Hợp đồng hợp tác với Công ty Ý Tường Mộc tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh	97.899.055
12	Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH dịch vụ mua hàng quốc tế tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh	334.070.204

13	Hợp đồng hợp tác với Công ty CP DVKT Công nghệ cao tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh	27.098.182
14	Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với Viettel Tp. HCM tại số 01 Nguyễn Thông, P9,Q3	80.727.273
15	Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với TT Mobifone miền Nam tại số 01 Nguyễn Thông, P9,Q4	81.818.182
Tổng cộng		6.047.166.983